

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK R'LẤP**

Số: 2409 /QĐ -UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đắk R'lấp, ngày 30 tháng 9 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia  
TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại UBND huyện Đắk R'Lấp**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg, ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2000 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN, ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN, ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND, ngày 14/6/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch Xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018-2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND – UBND huyện,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng tại UBND huyện Đắk R'Lấp phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 2533/QĐ-UBND, ngày 14/9/2018 của UBND huyện Đắk R'Lấp.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND – UBND huyện; Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như điều 3(t/h);
- UBND tỉnh (B/c);
- Sở Khoa học và Công nghệ (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT, Ban ISO.

**CHỦ TỊCH**



*Handwritten signature of Lê Văn Thị*

**Lê Văn Thị**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# BẢN CÔNG BỐ

## ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại  
Ủy ban nhân dân huyện Đăk R'lấp phù hợp Tiêu chuẩn  
quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động thực hiện  
chức năng quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính  
cho tổ chức, công dân thuộc thẩm quyền cấp huyện

*(Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số: 2409/QĐ-UBND,  
ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch UBND huyện Đăk R'lấp)*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Đăk R'lấp, ngày 30 tháng 9 năm 2019

**CHỦ TỊCH**



Lê Văn Thị



**DANH MỤC**  
**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND HUYỆN ĐẮK R' LẬP ĐƯỢC**  
**CÔNG BỐ PHÙ HỢP HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO**  
**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**

(Kèm theo Quyết định số: 2409/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019 của UBND huyện)

STT	TÊN TÀI LIỆU
<b>I. LĨNH VỰC TƯ PHÁP – HỘ TỊCH</b>	
1.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch
2.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài
3.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài
4.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài
5.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
6.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ con có yếu tố nước ngoài
7.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài
8.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài
9.	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người đủ 14 tuổi trở lên; Xác định lại dân tộc
10.	Ghi vào Sổ hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
11.	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
12.	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
13.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài
14.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.
15.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài
16.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài
17.	Sơ đồ tổ chức- chức năng nhiệm vụ Phòng Tư pháp
18.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp.
19.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
20.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp

21.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản
22.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản
23.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản
24.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
25.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được).
26.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
27.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
28.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực

## II. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI – MÔI TRƯỜNG

29.	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
30.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép
31.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép
32.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
33.	Đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường

## III. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

34.	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)
35.	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư).

## IV. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ KINH DOANH, HTX

36.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
37.	Đăng ký thay đổi nội dung kinh doanh
38.	Đăng ký tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh
39.	Đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
40.	Đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới nhiều hình thức
41.	Đăng ký hợp tác xã
42.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
43.	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã

44.	Đăng ký hợp tác xã đối với hợp tác xã được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sát nhập
45.	Đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã bị mất hoặc bị hư hỏng
46.	Đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã bị mất hoặc bị hư hỏng
47.	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)
48.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
49.	Đăng ký thay đổi điều lệ, số lượng thành viên, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên hợp tác xã
50.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã
51.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
52.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
53.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã
54.	Thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã
<b>V. LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO</b>	
55.	Giải quyết khiếu nại, tố cáo
<b>VI. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH – XÃ HỘI</b>	
56.	Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sỹ
57.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sỹ
58.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sỹ
59.	Giải quyết chế độ đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng
60.	Giải quyết chế độ đối với AHLLVT, AHLĐ trong thời kỳ kháng chiến
61.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
62.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
63.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày
64.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế
65.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng
66.	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần



67.	Giải quyết thủ tục trợ cấp tiền tắt hàng tháng đến thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần
68.	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ
69.	Giải quyết chế độ một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết
70.	Lập sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp dụng cụ chỉnh hình
71.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh
72.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia
73.	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng BTXH (bao gồm cả người khuyết tật, người khuyết tật đang mang thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi)
74.	Điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hàng tháng
75.	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã thuộc tỉnh
76.	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
77.	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)
78.	Hỗ trợ mai táng phí cho đối tượng BTXH được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng
79.	Tiếp nhận đối tượng BTXH có hoàn cảnh đặc biệt vào Trung tâm BTXH
80.	Hỗ trợ khẩn cấp trẻ em khi cha, mẹ chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn người thân thích chăm sóc, nuôi dưỡng
81.	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với các trường hợp chế do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn giao thông, tai nạn đặc biệt nghiêm trọng hoặc lý do bất khả kháng khác
82.	Hỗ trợ nhà ở, sửa chữa nhà ở
83.	Tiếp nhận vào cơ sở đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp
84.	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của phòng LĐTBXH
85.	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của phòng LĐTBXH



86.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của phòng LĐTBXH
87.	Cấp phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của phòng LĐTBXH
88.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của phòng LĐTBXH
89.	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp
90.	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thị trấn vào cơ sở trợ giúp xã hội
<b>VII. LĨNH VỰC THI ĐUA – KHEN THƯỞNG</b>	
91.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị
92.	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến
93.	Thủ tục tặng Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở
94.	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến
95.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề
96.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất
97.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại
<b>VIII. LĨNH VỰC VĂN HÓA – THÔNG TIN</b>	
98.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
99.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
100.	Thủ tục gia hạn, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
101.	Khai báo hoạt động Photocopy
102.	Khai báo thay đổi thông tin hoạt động Photocopy
103.	Cấp phép Karaoke
104.	Công nhận “thôn, bon, TDP văn hóa”
105.	Công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
106.	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”
<b>IX. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM</b>	
107.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm
<b>X. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG</b>	
108.	Quy trình cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

109.	Quy trình sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
110.	Quy trình cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
111.	Quy trình cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá
112.	Quy trình sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá
113.	Quy trình cấp lại giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá
114.	Quy trình cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ đô thị từ cấp III trở xuống
115.	Quy trình cấp gia hạn giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ đô thị từ cấp III trở xuống
116.	Quy trình cấp lại giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ đô thị từ cấp III trở xuống
117.	Quy trình cấp giấy phép xây dựng cho công trình đối với công trình không theo tuyến
118.	Quy trình cấp giấy phép sửa chữa cải tạo nhà ở riêng lẻ đô thị
119.	Quy trình cấp giấy phép sửa chữa cải tạo công trình
120.	Quy trình thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật; báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 01 bước)
121.	Quy trình thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện
122.	Quy trình thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện
<b>XI. LĨNH VỰC TÔN GIÁO</b>	
123.	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo
124.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện
125.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện

126.	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện
127.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện
128.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện
129.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện
130.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
<b>XII. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG, TỔ CHỨC HỘI, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP</b>	
131.	Thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập
132.	Thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập
133.	Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập
134.	Thành lập hội
135.	Phê duyệt điều lệ hội
136.	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội
137.	Đổi tên hội
138.	Hội tự giải thể
<b>XIII. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP</b>	
139.	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại
140.	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại
141.	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại
142.	Cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản
143.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản
144.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 6 tháng giấy chứng nhận hết hạn)

145.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)
<b>XIV. LĨNH VỰC GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO</b>	
146.	Thủ tục thành lập nhà trường, nhà trẻ
147.	Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ
148.	Thủ tục sáp nhập, chia tách nhà trường, nhà trẻ
149.	Thủ tục giải thể hoạt động nhà trường, nhà trẻ
150.	Thủ tục thành lập, cho phép thành lập trường tiểu học
151.	Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục trường tiểu học
152.	Thủ tục sáp nhập, chia tách trường tiểu học
153.	Thủ tục giải thể trường tiểu học
154.	Thủ tục thành lập trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn
155.	Thủ tục giải thể trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn
156.	Thủ tục thành lập, cho phép thành lập trường trung học cơ sở
157.	Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục trường trung học cơ sở
158.	Thủ tục sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở
159.	Thủ tục giải thể trường trung học cơ sở
160.	Thủ tục chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập
161.	Thủ tục chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập
162.	Thủ tục chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở
163.	Thủ tục thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thục
164.	Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ tư thục
165.	Thủ tục sáp nhập, chia tách nhà trường, nhà trẻ tư thục
166.	Thủ tục giải thể nhà trường, nhà trẻ tư thục
167.	Cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ dân lập
168.	Cho phép nhà trường, nhà trẻ dân lập hoạt động giáo dục
169.	Thủ tục sáp nhập, chia tách nhà trường, nhà trẻ dân lập
170.	Thủ tục giải thể nhà trường, nhà trẻ dân lập
171.	Thủ tục công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
172.	Thủ tục công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu
173.	Thủ tục chuyển trường đối với học sinh tiểu học
174.	Thủ tục quy trình đánh giá xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã
175.	Thủ tục công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi đối với đơn vị cấp cơ sở

176.	Thủ tục cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở
177.	Thủ tục xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo
178.	Cấp bản sao bằng Tốt nghiệp Tiểu học, Trung học cơ sở
179.	Cấp phát bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở, bổ túc Trung học cơ sở
180.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại
181.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại
182.	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường trường tiểu học, trường trung học cơ sở
183.	Công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường Mầm non, trường Mẫu giáo, Nhà trẻ dân lập, tư thục
184.	Thủ tục cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại
185.	Thủ tục cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại



